

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 14 – VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Sĩ Thạo;

Ông Nguyễn Trường Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị H Thị Thanh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh V (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh V (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị H Thị Thanh T trình bày: Vào năm 2006, chị H Thị Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lê Văn V, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi cưới, chị H và anh V cùng nhau sinh sống và làm ăn tại ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long) cuộc sống của vợ chồng chủ yếu bằng nghề làm nông. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 (ba) người con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 10/10/2003, Lê Quốc Q, sinh ngày 10/10/2005 và Lê Minh T, sinh ngày 16/6/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng dần về sau thì anh V thay đổi tính tình, thường xuyên tham gia chơi cờ bạc, gây nợ nần khắp nơi, chị T nhiều lần trả nợ cờ bạc cho anh V. Đồng thời, khuyên ngăn anh V thay đổi để gây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, nhưng anh V vẫn không nghe lời khuyên ngăn của chị, dẫn đến chị T không chấp nhận được anh V, cho nên từ tháng 7/2025, chị T đã bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Trong thời gian này, giữa chị T và anh V có nhiều lần cùng nhau nói chuyện để hàn gắn nhưng không được. Nay chị T nhận thấy giữa chị và Vinh không thể hàn gắn để chung sống có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Có 03 (ba) người con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 10/10/2003, Lê Quốc Q, sinh ngày 10/10/2005 và Lê Minh T, sinh ngày 16/6/2008. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Lê Minh T, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về con chung tên Lê Văn S và Lê Quốc Q đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

Bị đơn anh Lê Văn V trong quá trình giải quyết vụ án đều từ chối nhận các văn bản tố tụng mỗi khi được tổng đạt hợp lệ và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, từ chối cho lời khai nên không có lời trình bày của bị đơn. Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải và xét xử vắng mặt nguyên đơn. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền,

nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Thị Thanh T về việc yêu cầu ly hôn anh Lê Văn V;
2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 16/6/2008 cho chị H Thị Thanh T được quyền nuôi dưỡng.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Thị Thanh T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết.
4. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét, giải quyết.
5. Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.
6. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị H Thị Thanh T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của chị H Thị Thanh T có nội dung yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn V, nơi cư trú tại ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của chị H Thị Thanh T đối với anh Lê Văn V. Nhận thấy, chị H và anh V tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống chị T và anh V đã trải qua quãng thời gian chung sống hạnh phúc khá dài, đến tháng 7/2025 thì mới có sự mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tạo điều kiện mời chị T và anh V đến Tòa để hòa giải với mong muốn vợ chồng có thể đoàn tụ, tiếp tục chung sống. Thế nhưng, anh V không hợp tác và từ chối nhận văn bản của Tòa án, cố tình tránh né không cho lời khai. Từ đó cho thấy, anh V không có thiện chí nếu kéo hay đoàn tụ đối với cuộc hôn nhân giữa anh và chị T. Hơn nữa, chị T vẫn kiên quyết ly hôn với lý do anh V vẫn không thay đổi được lối sống thường xuyên tham gia chơi đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị H và anh V không thể hàn gắn được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H Thị Thanh T là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. *Về con chung*: Có 03 (ba) người con chung tên Lê Văn S, sinh ngày 10/10/2003, Lê Quốc Q, sinh ngày 10/10/2005 và Lê Minh T, sinh ngày 16/6/2008. Khi ly hôn, đối với con chung là Lê Văn S và Lê Quốc Q đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết. Chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung là Lê Minh T. Do anh V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về con chung. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao con chung là Lê Minh T, sinh ngày 16/6/2008 cho chị H Thị Thanh T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H Thị Thanh T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4]. *Về tài sản chung*: Chị H Thị Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5]. *Về nợ chung*: Chị H Thị Thanh T trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4]. Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chị H Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 16/6/2008 cho chị H Thị Thanh T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp cần thiết và khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Thị Thanh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị H Thị Thanh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị H Thị Thanh T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị H Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006261, ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy, chị H Thị Thanh T đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn V không phải chịu án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 14 – Vĩnh Long;
- CCTHADS khu vực 14 -Vĩnh Long;
- UBND xã Long Vĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Linh